CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 603
Ngày: 18/2/19
TT CBTH
Chuyển: P.VX (Mr.)

NGHỊ ĐỊNH
Về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 58 của Luật khoa học và công nghệ liên quan đến doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các đối tượng sau:

a) Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và thực hiện việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ kết quả khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ (bao gồm: công nghệ sau ươm tạo, hàng hóa, dịch vụ và các hình thức khác) là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ dựa trên việc áp dụng, ứng dụng hoặc phát triển kết quả khoa học và công nghệ.

2. Đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ là đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm.

Điều 3. Kết quả khoa học và công nghệ

1. Kết quả thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau đây được gọi là kết quả khoa học và công nghệ. Kết quả khoa học và công nghệ là cơ sở để xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Kết quả khoa học và công nghệ được thể hiện dưới một trong các hình thức sau:

a) Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc được công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; chương trình máy tính đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

b) Giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận;

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ;

d) Các kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận theo quy định của pháp luật;

đ) Công nghệ nhận chuyển giao được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là việc doanh nghiệp sử dụng kết quả khoa học và công nghệ để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh mới hoặc thay thế toàn bộ công nghệ hiện có trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 4. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ là căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc.

2. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ là căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Chương II
CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Thẩm quyền cấp, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Các kết quả khoa học và công nghệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt; có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả nước; có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên vùng, nhất là môi trường, sức khỏe; hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông;

b) Doanh nghiệp được thành lập từ việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập mà đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Sở Khoa học và Công nghệ chưa đủ điều kiện kỹ thuật đánh giá kết quả khoa học và công nghệ và có văn bản đề nghị Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Doanh nghiệp có chi nhánh, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và có văn bản đề nghị Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi bản sao Giấy chứng nhận cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các cơ quan liên quan để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi bản sao Giấy chứng nhận cho Sở Khoa học và Công nghệ nơi có trụ sở, chi nhánh hạch toán độc lập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi bản sao Giấy chứng nhận cho các cơ quan liên quan để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

5. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì có thẩm quyền cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 6. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp;

b) Có khả năng tạo ra hoặc ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định, công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này;

c) Có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

2. Doanh nghiệp mới thành lập dưới 5 năm đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 7. Thủ tục, hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định này gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ về cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. Hồ sơ được nộp trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực), thuộc một trong các văn bản sau:

- Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Quyết định công nhận giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật;

- Bằng chứng nhận giải thưởng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng;

- Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận hoặc giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;

- Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;

- Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương.

c) Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp về tính hợp lệ của hồ sơ, trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm xem xét việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp kết quả khoa học và công nghệ có liên quan đến nhiều ngành nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau có nội dung phức tạp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi công văn kèm theo toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ của doanh nghiệp về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm công bố trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về tên, địa chỉ và danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đó.

Điều 9. Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ về cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;

b) Bổ sung danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ;

c) Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến, bao gồm:

a) Đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản, tài liệu chứng minh về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;

c) Các tài liệu theo quy định tại điểm b, điểm c, khoản 2 Điều 7 Nghị định này đối với trường hợp bổ sung danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét việc cấp hoặc từ chối cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 10. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này thông báo cho doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Trong 5 năm liên tiếp, doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ không năm nào đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trừ trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong thời gian 5 năm đầu tiên kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không thực hiện chế độ báo cáo trong 03 năm liên tiếp theo quy định;

d) Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp không đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định.

Trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp không tiếp tục được hưởng những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan có thẩm quyền thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và quyết định huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi xâm phạm quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả khoa học và công nghệ đã kê khai trong hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Có hành vi giả mạo nội dung hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Trường hợp bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp bị truy thu toàn bộ các khoản kinh phí, những lợi ích khác đã được hưởng và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ gửi văn bản thông báo đến các cơ quan liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và công khai việc thu hồi, hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cổng thông tin của cơ quan trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 11. Kinh phí cho việc thẩm định hồ sơ để cấp, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Kinh phí cho việc thẩm định hồ sơ để cấp, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Nội dung chi và mức chi được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ hoặc cấp tỉnh.

Chương III
CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ

Điều 12. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thu nhập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể: được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

2. Doanh thu, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này. Doanh thu, thu nhập được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin phải là doanh thu, thu nhập từ dịch vụ mới.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp.

4. Điều kiện, thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quản lý thuế.

Điều 13. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ khi xác định diện tích đất được miễn, giảm cho mục đích khoa học và công nghệ. Thủ tục, hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất và quản lý thuế.

Điều 14. Ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh

1. Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay và bảo lãnh để vay vốn.

a) Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ có tài sản dùng để thế chấp theo quy định của pháp luật được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất vay tối đa 50% lãi suất vay vốn tại ngân hàng thương mại thực hiện cho vay;

b) Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ có dự án khoa học và công nghệ khả thi được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc bảo lãnh để vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

3. Các Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quy định quy chế cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, bảo đảm thuận lợi cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp cận.

4. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chí hỗ trợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ xem xét, cấp bảo lãnh tín dụng để vay vốn tại các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Việc giao tài sản kết quả khoa học và công nghệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

Việc giao tài sản kết quả khoa học và công nghệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

Điều 16. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên, không thu phí dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên

cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trong trường hợp phát sinh chi phí mua nguyên vật liệu để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, doanh nghiệp chi trả các khoản chi phí phát sinh cho các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác để thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ của Nhà nước. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Nhà nước về dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ.

4. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường hợp sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm nhóm 2 khi chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Điều 17. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ đầu tư cho cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay tối đa 50% lãi suất vay vốn tại ngân hàng thương mại cho vay.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ có dự án tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ tự đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau khi có kết quả được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ công nhận thì được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước; trường hợp kết quả có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh thì Nhà nước sẽ xem xét mua kết quả đó.

4. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được các cơ quan có thẩm quyền ưu tiên trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, công nhận, đăng ký lưu hành sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ để phát triển sản phẩm mới.

5. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ, thương mại hóa sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được vinh danh, khen thưởng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc sở hữu, sử dụng kết quả khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm và việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm đó.

2. Hàng năm, doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ kịp thời, đầy đủ, chính xác về Sở Khoa học và Công nghệ địa phương.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chương trình, đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức vinh danh, khen thưởng doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hoạt động của các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật; quyết định việc thu hồi vốn và tài sản của Nhà nước đã giao khi doanh nghiệp khoa học và công nghệ không sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đã đề cập trong hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hoạt động không hiệu quả hoặc vi phạm pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này; làm đầu mối giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền; hàng năm tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về tình hình thực hiện Nghị định.

Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ là cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thuế, cơ quan tài chính các địa phương thực hiện ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Chương III Nghị định này.

2. Kiến nghị và đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền về giải pháp để tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Chỉ đạo Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, ngành thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 14, Điều 16, Điều 17 Nghị định này.

Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Tổ chức thực hiện chính sách tín dụng đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các chính sách ưu đãi tín dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Ban hành chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn và bố trí kinh phí thực hiện.

2. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công bố công khai quy trình, thủ tục, mẫu biểu đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên Trang thông tin điện tử của cơ quan; hàng năm, báo cáo bằng văn bản về tình hình đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại địa phương về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trước ngày 15 tháng 12.

3. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan, các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có) thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại Nghị định này.

4. Ưu tiên cho thuê đất, cơ sở hạ tầng với mức giá thấp nhất theo quy định; bố trí quỹ đất cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ đang trong thời gian hưởng các ưu đãi, hỗ trợ, kể cả trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản đó; trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các quy định tại Chương III Nghị định này thì được lựa chọn ưu đãi đang hưởng hoặc ưu đãi theo quy định của Nghị định này cho thời gian còn lại.

2. Việc xác định thời gian còn lại để hưởng ưu đãi được tính liên tục kể từ khi bắt đầu thực hiện ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

2. Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). PC205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
Mẫu số 02	Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ



Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi:.....

1. Tên doanh nghiệp:
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....
- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có): .....

2. Trụ sở chính:
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....Fax: .....
- Email: .....
- Website:.....

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
- Họ và tên: .....Chức vụ: .....
- Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân: ..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm .....
- Điện thoại:.....Email: .....
- Hộ khẩu thường trú: .....
- Chỗ ở hiện nay: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
- Số ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., do..... cấp.
- Loại hình doanh nghiệp:.....

5. Kết quả khoa học và công nghệ:
- Tên kết quả:.....
- Nguồn gốc tài chính: .....
- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/nhận chuyển giao):.....
- Lĩnh vực .....

6. Danh mục các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ: .....
.....

7. Tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trên tổng doanh thu của doanh nghiệp:.....

8. Phần cam đoan: Cam đoan những lời khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý về các nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

....., ngày….. tháng….. năm …..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN PHẨM HÌNH THÀNH TỪ KẾT QUẢ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: .....

1. Thông tin chung:

- Tên doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Ngành nghề kinh doanh: .....
- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp: .....

2. Thông tin về kết quả khoa học và công nghệ:

- Tên kết quả khoa học và công nghệ:.....
- Lĩnh vực .....
- Nguồn gốc tài chính: .....
- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/nhận chuyển giao):.....

3. Danh mục các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ: .....

.....

4. Điều kiện đảm bảo thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

a) Điều kiện về nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ:

- Danh sách nhân lực/chuyên gia hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (nêu rõ trình độ học vấn).....

- Danh sách các tổ chức, viện, trường có liên kết thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ với doanh nghiệp (nếu có):.....

b) Điều kiện về hạ tầng kỹ thuật:

- Danh mục đất đai, nhà xưởng, kho bãi hoặc phương án liên kết, thuê nhà xưởng, kho bãi phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp: .....

- Danh mục thiết bị, máy móc hoặc phương án liên kết, thuê thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp .....

5. Tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trên tổng doanh thu của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này):

- Doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ: .....

- Tổng doanh thu của doanh nghiệp: .....

- Tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ/tổng doanh thu: ...%

6. Đối với trường hợp công nghệ do doanh nghiệp nhận chuyển giao, doanh nghiệp giải trình một trong các nội dung sau:

a) Tiếp nhận, ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ đã nhận chuyển giao vào quá trình sản xuất, kinh doanh. .....

b) Cải tiến, phát triển công nghệ hoặc cải tiến, phát triển sản phẩm . .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

(Cơ quan cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: ...../DNKHCN
Cấp lần đầu: ngày .... tháng ... năm ...
Cấp thay đổi/ cấp lại lần thứ ...: ngày ... tháng ... năm ....

Tên doanh nghiệp: .....

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có): .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số..... ngày..... tháng ..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ:

STT	Tên kết quả khoa học và công nghệ	Tên sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ
1.	(Kết quả KH&CN số 1)	(Sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN số 1)
2.	(Kết quả KH&CN số 2)	(Sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN số 2)
3.	...	...

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THAY ĐỔI NỘI DUNG/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....
- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có): .....

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax:.....
- Email:.....
- Website: .....

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

- Họ và tên:..... Chức vụ: .....
- Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân: ..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Hộ khẩu thường trú: .....
- Chỗ ở hiện nay:.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Số ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., do..... cấp.
- Loại hình doanh nghiệp: .....

5. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

- Cấp lần đầu số:.....ngày .....
- Cấp lại lần thứ.....ngày.....

II. DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Lý do thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:.....
.....

2. Doanh nghiệp đề nghị thay đổi các nội dung sau trên Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

.....

.....

3. Trường hợp doanh nghiệp khoa học và công nghệ bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, doanh nghiệp kê khai các nội dung sau:

a) Kết quả khoa học và công nghệ (nếu có):

- Tên kết quả: .....
- Nguồn gốc tài chính:.....
- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/nhận chuyển giao): .....
- Lĩnh vực:.....

b) Danh mục các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ cần bổ sung:.....

III. DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:.....

.....

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

....., ngày….. tháng….. năm …..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)